

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2022

“V/v ly hôn giữa  
Chị X và anh N”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Rỡ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thiện Nhân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Hoài– Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1979 (*có mặt*)

Địa chỉ: Khóm Vĩ, thị trấn V, huyện A, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1978 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Thông qua mai mối, được sự đồng ý của chị và anh Trần Văn N, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 30/12/2002. Vợ chồng chung sống cùng cha mẹ chồng được vài tháng phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn. Năm 2017 (sau khi sinh cháu Trần Thị Lệ T), anh chị sống riêng làm nghề mua bán trên ghe. Anh N vẫn không thay đổi, thường xuyên uống rượu, không quan tâm cuộc sống của vợ

con, cờ bạc và có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nhiều lần vợ chồng đánh nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2008, vợ chồng ly thân đến nay. Thời gian ly thân anh chị không liên lạc với nhau. Gia đình hai bên không hàn gắn cho anh chị. thỉnh thoảng các con gọi điện cho anh N hoặc anh N đến trước cửa nhà gọi con ra nói chuyện. Chị yêu cầu ly hôn anh N đồng ý nhưng sợ phải cấp dưỡng cho con nên anh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vợ chồng không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Chị X và anh N có 02 con chung tên Trần Thị Lệ T, sinh ngày 29/6/1997 đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trần Thị Kim N sinh ngày 24/10/2004, hiện nay đang sống với chị X. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho cháu N.

Về tài sản chung: không

Về nợ: Không

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh được ông Huỳnh Thanh T là Phó ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang cho biết: Anh N đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Chị X và anh N không còn chung sống với nhau hơn mười năm, nguyên nhân mâu thuẫn ông không biết.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị X và anh N có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vài tháng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N cờ bạc, thường xuyên uống rượu, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng thường xuyên cự cãi và nhiều lần đánh nhau. Ly thân từ năm 2008 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nên chị X yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau... Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau...”. Thế nhưng vợ chồng chị X và anh N đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau, không còn chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị X được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị X và anh N có 02 con chung tên Trần Thị Lệ T, sinh ngày 29/6/1997 đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trần Thị Kim N sinh ngày 24/10/2004, hiện nay đang sống với chị X.

Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho cháu N, được chị X chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Ngoài ra, cháu N có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn N nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh N với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị X và anh N tiến tới hôn nhân năm 1996 thông qua mai mối. Năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống được vài tháng phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu, cờ bạc và quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con. Anh chị ly thân từ năm 2008 đến

nay. Xét thấy, thời gian ly thân của anh chị kéo dài, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chung sống với nhau. Anh N không quan tâm chăm sóc vợ con, cũng không chia sẻ công việc trong gia đình, không chung thủy và anh chị có hành vi bạo lực gia đình. Nhiều lần Tòa án mở phiên hòa giải nhưng anh N không tham dự, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nên yêu cầu ly hôn của chị X là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Trần Văn N.

[3] Về con chung: Chị X và anh N có 02 con chung tên Trần Thị Lệ T, sinh ngày 29/6/1997 đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trần Thị Kim N sinh ngày 24/10/2004, hiện nay đang sống với chị X.

Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho cháu N, được chị X chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Ngoài ra, cháu N có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu N cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị X không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con nên anh N không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về chia tài sản: Không

[5] Về nợ chung: Ghi nhận chị X xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị X được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Kim N sinh ngày 24/10/2004, hiện nay các cháu đang sống với chị X, anh N không phải cấp dưỡng cho cháu N.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị X cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị X xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004220 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh N không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Rõ**